

THÔNG TƯ
Quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng

Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 43/2025/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số 20/2019/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.¹

¹ Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có căn cứ ban hành như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
2. Việc giám sát hệ thống thanh toán, giám sát an toàn hệ thống thông tin của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.
3. Việc giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
4. Việc giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
5. Việc giám sát ngân hàng đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo các quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng và quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng bao gồm:
 - a) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;
 - b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô.
2. Đối tượng giám sát ngân hàng bao gồm:
 - a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô;
 - b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

-
- “Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.”*

1. *Giám sát ngân hàng* bao gồm giám sát an toàn vĩ mô và giám sát an toàn vĩ mô.

2. ²*Giám sát an toàn vĩ mô* là hình thức giám sát an toàn đối với từng đối tượng giám sát an toàn vĩ mô.

3. *Giám sát an toàn vĩ mô* là hình thức giám sát an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. *Đối tượng giám sát ngân hàng* bao gồm:

a) *Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô* bao gồm:

(i) Tổ chức tín dụng, trừ ngân hàng chính sách thực hiện theo các quy định của pháp luật;

(ii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Chi nhánh của tổ chức tín dụng. Đối với phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân thì giám sát thông qua quỹ tín dụng nhân dân. Đối với phòng giao dịch của các tổ chức tín dụng khác thì giám sát chung thông qua chi nhánh quản lý phòng giao dịch đó;

(iv) Đối tượng khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

b)³ *Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô* là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách).

5.⁴ *Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô* là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

6.⁵ *Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô* là Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7. *Giám sát tuân thủ* là việc xem xét, theo dõi, phân tích, nhận định (sau đây gọi tắt là phân tích, nhận định) về tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

ngân hàng; tình hình thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại khoản 9 Điều này.

8. *Giám sát tăng cường* là giám sát an toàn vi mô áp dụng đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô thông qua việc bổ sung một số nội dung giám sát, tần suất báo cáo theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

9. *Chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng* là việc Ngân hàng Nhà nước (hoặc Ngân hàng Nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đề nghị) chỉ đạo, yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện một số nội dung, công việc tại các văn bản sau đây:

a)⁶ Kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra (trừ Kết luận thanh tra, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra thuộc trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh);

b) Văn bản khuyến nghị, cảnh báo trong giám sát ngân hàng;

c) Văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu nội dung, công việc cụ thể.

10. *Giám sát rủi ro* là việc phân tích, nhận định về tình hình rủi ro (bao gồm cả rủi ro hệ thống) để cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng.

11. *Rủi ro* là khả năng xảy ra tổn thất (tổn thất tài chính, tổn thất phi tài chính) làm giảm doanh thu, vốn tự có dẫn đến làm giảm tỷ lệ an toàn vốn hoặc hạn chế khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

12.⁷ *Rủi ro hệ thống* là khả năng xảy ra tổn thất lan truyền từ sự gián đoạn hoạt động, đổ vỡ của một hoặc một số tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tới hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, làm gián đoạn hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống.

13. *Khủng hoảng hệ thống ngân hàng* là sự đổ vỡ ngân hàng mang tính hệ thống, xảy ra khi các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả, khả năng thanh toán, phá sản. Khủng hoảng hệ thống ngân hàng thường gắn liền với sự rút tiền đột ngột của người gửi tiền lan rộng trong toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

14. *Tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng* là việc đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh tính chính xác, đầy đủ của tài liệu, thông tin, báo cáo và làm rõ những vấn đề có liên quan đến rủi ro và việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động tiền tệ, ngân hàng phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng.

15.⁸ *Ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống* là ngân hàng thương mại mà khi ngân hàng thương mại này mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, phá sản thì có khả năng gây tác động tiêu cực lên toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc gây ra rủi ro hệ thống làm gián đoạn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ nền kinh tế.

16. *Quản lý cơ sở dữ liệu* là việc xây dựng, cập nhật, duy trì đáp ứng các yêu cầu truy cập, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng.

17.⁹ *Sổ tay giám sát an toàn vi mô, sổ tay giám sát an toàn vĩ mô* là tài liệu hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ giám sát an toàn vi mô, giám sát an toàn vĩ mô do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- a) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;
- b) Hướng dẫn về hoạt động giám sát ngân hàng;
- c) Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;
- d) Hồ sơ giám sát ngân hàng;
- đ) Mẫu báo cáo giám sát ngân hàng.

18.¹⁰ *(được bãi bỏ)*

Điều 4. Nguyên tắc giám sát ngân hàng

Việc giám sát ngân hàng thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- 1.¹¹ Các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật số 46/2010/QH12.
2. Nguyên tắc kết hợp giám sát tuân thủ với giám sát rủi ro, giám sát an toàn vi mô với giám sát an toàn vĩ mô.

Điều 5. Trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng

⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

¹⁰ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

¹¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

1. Trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng thực hiện như sau:
 - a) Bước 1: Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;
 - b) Bước 2: Thực hiện các nội dung giám sát tuân thủ và/hoặc giám sát rủi ro;

c) Bước 3: Lập báo cáo giám sát, đề xuất các biện pháp xử lý.

2.¹² (được bãi bỏ)

Điều 6. Quản lý, lưu trữ tài liệu, thông tin, dữ liệu

Tài liệu, thông tin, dữ liệu sau khi được tổng hợp, xử lý phải được lưu trữ, quản lý để phục vụ cho công tác thanh tra, giám sát ngân hàng theo các nguyên tắc sau:

1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu phải được lưu trữ một cách khoa học, đầy đủ theo từng hồ sơ của từng đối tượng giám sát ngân hàng và toàn hệ thống.
2. Tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập phải được lưu trữ theo quy định pháp luật hiện hành về lưu trữ.
3. Việc quản lý, lưu trữ, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu có thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.
4. Việc bảo mật thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng và thông tin khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương II

GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ

Mục 1

THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ XỬ LÝ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Điều 7. Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu

1. Các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát ngân hàng bao gồm:
 - a) Dữ liệu, báo cáo theo quy định pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;
 - b) Dữ liệu về khách hàng của đối tượng giám sát ngân hàng từ Trung tâm Thông tin Tín dụng quốc gia Việt Nam (sau đây viết tắt là CIC), nguồn thông tin, tài liệu phục vụ giám sát từ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
 - c) Thông tin từ hoạt động kiểm tra, thanh tra, xử lý sau thanh tra;
 - d) Thông tin từ hoạt động cấp phép của Ngân hàng Nhà nước;

¹² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

- đ) Kết quả kiểm toán độc lập;
- e) Thông tin từ kết quả xếp hạng và xếp loại của cơ quan quản lý nhà nước;
- g) Báo cáo giám sát an toàn vi mô, vĩ mô, biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô, vĩ mô;
- h) Báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền khác;
- i) Yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát ngân hàng, bao gồm cả văn bản chỉ đạo, yêu cầu của các đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước;
- k) Biên bản làm việc, văn bản giải trình, hồ sơ tài liệu, dữ liệu của đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp;
- l)¹³ Tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các nguồn khác (nếu có).

2.¹⁴ Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này thông qua hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa và hệ thống thông tin khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thu thập các tài liệu, thông tin, dữ liệu nhận được từ các nguồn quy định tại các điểm h, i, k, l khoản 1 Điều này.

4.¹⁵ Căn cứ vào yêu cầu giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Xử lý, cập nhật, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu

Căn cứ nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 7 Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện xử lý, tổng hợp như sau:

1. Đối với tài liệu, thông tin, dữ liệu được cập nhật tự động từ hệ thống báo cáo thống kê điện tử của Ngân hàng Nhà nước, từ CIC vào hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện xử lý theo quy định về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động

¹³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

¹⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

giám sát từ xa.

2. Đối với tài liệu, thông tin, dữ liệu khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện như sau:

a) Rà soát tính logic, tính hợp lý của thông tin thông qua việc so sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện vấn đề bất thường, thiếu logic hoặc bất hợp lý;

b) Cập nhật các tài liệu, thông tin, dữ liệu cần thiết vào hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa theo quy định tại Quy chế quản trị, vận hành và sử dụng phần mềm hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

3. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu hoặc trình cấp có thẩm quyền yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo, giải trình thông qua hình thức tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng quy định tại Chương IV Thông tư này.

4. Căn cứ các thông tin đã được tổng hợp, xử lý, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện các nội dung quy định tại Mục 2 và Mục 3 Chương này.

Mục 2

NỘI DUNG GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ

Điều 9. Nội dung giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xác định phạm vi, nội dung của thông tin liên quan đến hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô để giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng trong hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, trong đó tập trung vào một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:

a)¹⁶ Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê, chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Luật số 46/2010/QH12, Luật số 32/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

b)¹⁷ Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong

¹⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

¹⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137 và 138 Luật số 32/2024/QH15; phân loại tài sản có, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c)¹⁸ Giám sát tuân thủ việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, người điều hành quy định tại Điều 41 và khoản 3 Điều 98 Luật số 32/2024/QH15; và việc tuân thủ cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại Chương IV Luật số 32/2024/QH15;

d) Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về góp vốn, cho vay, gửi tiền, đầu tư của tổ chức tín dụng vào công ty con, công ty liên kết, chi nhánh ở nước ngoài;

đ)¹⁹ Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại Điều 101 và khoản 7 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15: Hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lựa chọn một số quy định nội bộ để tiến hành rà soát.

2.²⁰ Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát tuân thủ việc thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô (nếu có) theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát rủi ro thông qua phân tích, nhận định về rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng về một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây²¹:

a)²² Phân tích, nhận định về những thay đổi trọng yếu, các biến động bất thường thông qua việc sử dụng các ngưỡng thay đổi của các khoản mục tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lãi dự thu, chi phí, kết quả kinh doanh, và các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên;

¹⁸ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

¹⁹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²¹ Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

b) Xem xét những tác động trọng yếu đến quản trị, điều hành của đối tượng giám sát an toàn vi mô thông qua đánh giá tối thiểu các nội dung sau đây:

(i)²³ Thay đổi về người quản lý, người điều hành được quỹ định tại Điều 41 và Điều 98 Luật số 32/2024/QH15 của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

(ii)²⁴ Thay đổi về tình hình cổ đông, sở hữu cổ phần, cổ phiếu của người quản lý, người điều hành, cổ đông lớn và người có liên quan của các cá nhân, tổ chức này (trong đó bao gồm cả khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần);

(iii) Thay đổi về tình hình góp vốn, thành viên góp vốn, chủ sở hữu đối với tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn, tổ chức tín dụng là hợp tác xã.

c) Trên cơ sở những thông tin bất lợi có thể ảnh hưởng trọng yếu đến đối tượng giám sát an toàn vi mô nhận được, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đánh giá, nhận định về tình hình rủi ro của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

d) Giám sát tình hình cấp tín dụng, chất lượng tín dụng đối với lĩnh vực, khách hàng và giao dịch có rủi ro cao trong hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô để phân tích và đánh giá mức độ tác động trọng yếu đến hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô.

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xác định những lĩnh vực, đối tượng khách hàng, giao dịch có rủi ro cao trong từng thời kỳ.

3a.²⁵ Trong từng thời kỳ, trường hợp cần thiết, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành phương pháp phân tích rủi ro và tổ chức triển khai để thực hiện giám sát rủi ro.

3b.²⁶ Đối với ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống, trong từng thời kỳ, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định các nội dung giám sát rủi ro trên cơ sở nội dung quy định tại khoản 3 Điều này phù hợp với mức độ ảnh hưởng của đối tượng giám sát này và nguồn lực của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô.

²³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²⁴ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 4 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

4. Đối với ngân hàng thương mại cổ phần, trong trường hợp cần thiết, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện rà soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, chất lượng tín dụng, rủi ro của các giao dịch có giá trị lớn (bao gồm các khoản cấp tín dụng, các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, các khoản phải thu khác). Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xem xét, quyết định cụ thể mức giá trị lớn của các giao dịch nêu trên.

5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung giám sát khác đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô thuộc phạm vi phân công giám sát phù hợp với nhu cầu và nguồn lực của đơn vị.

Điều 10. Nội dung giám sát an toàn vi mô đối với chi nhánh của tổ chức tín dụng

1. Giám sát tuân thủ gồm:

a) Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về:

(i) Chế độ báo cáo thống kê của chi nhánh theo quy định về chế độ báo cáo thống kê;

(ii) Các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng áp dụng đối với chi nhánh.

b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát tuân thủ việc thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô (nếu có).

2. Giám sát rủi ro tập trung vào các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Các khoản mục tài sản, nợ phải trả, thu nhập, chi phí và chênh lệch thu chi;

b) Tình hình cấp tín dụng và chất lượng tín dụng của đối tượng giám sát an toàn vi mô. Trong trường hợp cần thiết, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện rà soát, đánh giá khoản cấp tín dụng, các khoản phải thu khác có giá trị lớn của đối tượng giám sát an toàn vi mô. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định cụ thể mức giá trị lớn của các giao dịch này;

c) Lập, cập nhật danh sách thông tin nhân sự, trong đó tối thiểu bao gồm giám đốc chi nhánh của tổ chức tín dụng;

d) Các thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của đối tượng giám sát.

3. Đối với các phòng giao dịch có quy mô lớn trên địa bàn do Giám đốc Ngân hàng nhà nước chi nhánh quyết định hoặc các phòng giao dịch có phát sinh thông tin có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của phòng giao dịch đó, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này thông qua chi nhánh quản lý các phòng giao dịch đó.

Điều 11. Giám sát tăng cường

1. Căn cứ tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) áp dụng giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây²⁷:

a) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được xếp hạng C hoặc D đối với quỹ tín dụng nhân dân; hoặc hạng D hoặc E đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b)²⁸ Đối tượng giám sát an toàn vi mô được can thiệp sớm theo quy định của pháp luật và Thông tư này;

c) Đối tượng khác theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Căn cứ tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) việc giám sát tăng cường (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này), trong đó tối thiểu bao gồm²⁹:

a) Phạm vi giám sát;

b) Chủ thể giám sát;

c) Nội dung giám sát, trong đó tối thiểu bao gồm giám sát tình hình thanh khoản; các khoản cấp tín dụng, các khoản phải thu và các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần hoặc khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp;

d) Tần suất báo cáo của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

đ) Nội dung phối hợp của các đơn vị, cá nhân liên quan trong hoạt động giám sát tăng cường (nếu có).

²⁷ Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

²⁹ Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

3.³⁰ Trường hợp đối tượng giám sát an toàn vi mô thực hiện phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật số 32/2024/QH15, đơn vị giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 160 Luật số 32/2024/QH15.

4.³¹ Dừng giám sát tăng cường

a) Trường hợp giám sát tăng cường theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) dừng giám sát tăng cường khi đối tượng giám sát an toàn vi mô không còn thuộc các trường hợp này; hoặc

b) Trường hợp giám sát tăng cường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, việc dừng giám sát tăng cường được thực hiện theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 3

LẬP BÁO CÁO, HỒ SƠ GIÁM SÁT VÀ ĐỀ XUẤT, THỰC HIỆN BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Điều 12. Lập báo cáo giám sát an toàn vi mô và đề xuất, thực hiện biện pháp xử lý

1. Trên cơ sở kết quả giám sát tuân thủ, giám sát rủi ro theo quy định tại Mục 2 Chương này và căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tiến hành:

a) Lập báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất hoặc định kỳ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Đề xuất, thực hiện các biện pháp xử lý quy định tại Chương V Thông tư này (nếu cần thiết).

2. Nguyên tắc lập, phê duyệt, gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất:

a) Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất phải được lập khi đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô phát hiện các vi phạm, nguy cơ vi phạm pháp luật, các rủi ro có ảnh hưởng đến sự an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

³⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

b) Việc phê duyệt, gửi báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất thực hiện như sau:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

(ii) Căn cứ kiến nghị tại báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất và thẩm quyền giải quyết kiến nghị theo quy định của pháp luật, báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất phải được gửi đến cấp có thẩm quyền để xem xét, quyết định;

(iii) Báo cáo giám sát an toàn vi mô đột xuất được lập theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền nào thì phải được gửi đến cấp có thẩm quyền đó để xem xét, xử lý.

3.³² Nguyên tắc lập, phê duyệt báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ:

a) Báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng đầu năm phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 trong năm. Báo cáo giám sát an toàn vi mô hằng năm phải được hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giám sát tăng cường, ngoài báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng đầu năm và báo cáo giám sát an toàn vi mô hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lập báo cáo giám sát an toàn vi mô quý I và phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 5 trong năm và báo cáo giám sát an toàn vi mô quý III phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 trong năm;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô được lập theo mẫu báo cáo tại Sổ tay giám sát an toàn vi mô;

c) Việc phê duyệt báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ thực hiện như sau:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

(ii) Trường hợp báo cáo giám sát an toàn vi mô kiến nghị biện pháp xử lý đối với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thì báo cáo giám sát an toàn vi mô phải được trình cấp có thẩm quyền đó để xem xét, quyết định.

Điều 13. Hồ sơ giám sát an toàn vi mô

1. Hồ sơ giám sát an toàn vi mô bao gồm các báo cáo giám sát an toàn vi mô (định kỳ và đột xuất), tài liệu tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng và hồ sơ về các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô.

2.³³ Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng được can thiệp sớm, hồ sơ

³² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm phương án khắc phục, các văn bản, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với việc can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Chương IX Luật số 32/2024/QH15.

3. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng bị áp dụng giám sát tăng cường, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm Quyết định áp dụng giám sát tăng cường và các thông tin, tài liệu, dữ liệu, biện pháp xử lý về giám sát tăng cường.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ

Mục 1

THU THẬP, TỔNG HỢP, XỬ LÝ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Điều 14. Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu

1. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô tiến hành thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu của đối tượng giám sát ngân hàng từ các nguồn sau đây:

a) Các nguồn quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô, hồ sơ về các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô (trừ quỹ tín dụng nhân dân);

c) Căn cứ vào yêu cầu giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu hoặc trình cấp có thẩm quyền yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

2. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập từ các nguồn quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát an toàn vi mô.

3. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô đề nghị đối tượng giám sát có báo cáo, giải trình.

Mục 2

NỘI DUNG GIÁM SÁT AN TOÀN VI MÔ

Điều 15. Nội dung giám sát an toàn vi mô đối với hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô giám sát rủi ro thông qua một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:

1. Phân tích, nhận định mức độ lành mạnh tài chính nhằm phát hiện rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống bao gồm:

- a) Phân tích, nhận định về tình hình vốn chủ sở hữu, mức độ an toàn vốn, tình hình huy động vốn, sử dụng vốn;
- b) Phân tích, nhận định về tình hình thanh khoản;
- c) Phân tích, nhận định về nợ xấu, chất lượng tài sản;
- d) Phân tích, nhận định về hoạt động liên ngân hàng;
- đ) Phân tích, nhận định về kết quả hoạt động kinh doanh; lãi dự thu.

Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô sử dụng các ngưỡng thay đổi phù hợp với đặc điểm của đối tượng giám sát an toàn vĩ mô để đánh giá về rủi ro ảnh hưởng đến an toàn hệ thống. Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng³⁴ quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên.

2. Phân tích, nhận định các diễn biến kinh tế vĩ mô, tác động của các lĩnh vực khác trong nền kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến mức độ ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Kiểm tra sức chịu đựng định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

- a) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro tín dụng thông qua phân tích, dự báo về diễn biến nợ xấu theo các kịch bản kinh tế vĩ mô, tác động của các giả định về chuyển nhóm nợ, giả định về khách hàng lớn mất khả năng trả nợ;
- b) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thị trường thông qua phân tích tác động theo các kịch bản biến động về tỷ giá, lãi suất lên mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống³⁵ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- c) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro lan truyền liên ngân hàng;
- d) Kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro thanh khoản thông qua phân tích khả năng thanh khoản trong trường hợp xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt.

4. Trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện phân tích, nhận định về khả năng xảy ra khủng hoảng hệ thống ngân hàng và biện pháp ứng phó.

5.³⁶ (được bãi bỏ)

³⁴ Cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” được thay bằng cụm từ “Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³⁵ Cụm từ “, nhóm” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

6.³⁷ (được bãi bỏ)

7. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung giám sát khác phù hợp với nhu cầu và nguồn lực của đơn vị.

Mục 3

LẬP BÁO CÁO, HỒ SƠ GIÁM SÁT VÀ ĐỀ XUẤT, THỰC HIỆN BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Điều 16. Lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô và đề xuất, thực hiện biện pháp xử lý

1. Trên cơ sở kết quả giám sát rủi ro theo quy định tại Mục 2 Chương này và căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô tiến hành:

a)³⁸ Lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất hoặc định kỳ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này theo mẫu báo cáo tại Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô;

b) Đề xuất đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô nghiên cứu, xem xét áp dụng biện pháp xử lý quy định tại Chương V Thông tư này đối với đối tượng giám sát ngân hàng (nếu cần thiết).

2. Nguyên tắc lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất³⁹:

a) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất phải được lập khi đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô phát hiện các rủi ro có ảnh hưởng đến sự an toàn hoặc có nguy cơ gây ra khủng hoảng ngân hàng của hệ thống⁴⁰ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc khi có yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất được phê duyệt và gửi cấp có thẩm quyền theo nguyên tắc:

³⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

³⁹ Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴⁰ Cụm từ “, nhóm” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

(i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô;

(ii) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất được lập theo yêu cầu của Thống đốc thì phải được gửi đến Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý;

(iii) Căn cứ kiến nghị tại báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất và thẩm quyền giải quyết kiến nghị theo quy định của pháp luật, báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định.

3.⁴¹ Nguyên tắc lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ:

a) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô 6 tháng đầu năm phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 trong năm. Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô hằng năm phải được hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 năm tiếp theo;

b) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ được phê duyệt theo nguyên tắc:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô;

(ii) Trường hợp báo cáo giám sát an toàn vĩ mô kiến nghị biện pháp xử lý đối với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thì báo cáo giám sát an toàn vĩ mô phải được trình cấp có thẩm quyền đó để xem xét, quyết định.

Điều 17. Hồ sơ giám sát an toàn vĩ mô

Hồ sơ giám sát an toàn vĩ mô bao gồm các báo cáo giám sát an toàn vĩ mô (định kỳ và đột xuất) và hồ sơ về các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô.

Chương IV

TIẾP XÚC ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

Điều 18. Hình thức tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng

Việc tiếp xúc đối tượng giám sát ngân hàng được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Yêu cầu giải trình bằng văn bản.

2. Làm việc trực tiếp.

Điều 19. Yêu cầu giải trình bằng văn bản

1.⁴² Trong trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vĩ mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu

⁴¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

câu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng giải trình.

2. Căn cứ thời hạn giải trình được quy định tại văn bản yêu cầu giải trình, đối tượng giám sát ngân hàng phải có văn bản giải trình, bao gồm tối thiểu các nội dung:

a) Nội dung giải trình theo từng yêu cầu cụ thể, trong đó bao gồm cả phân tích thực trạng, nguyên nhân;

b) Đề xuất biện pháp chỉnh sửa, khắc phục (bao gồm cả lộ trình thực hiện) trong trường hợp đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu.

Điều 20. Làm việc trực tiếp

1.⁴³ Trong trường hợp cần thiết, khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vi mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định thành lập tổ công tác, nội dung làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát ngân hàng.

2. Trước khi làm việc trực tiếp, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng phải thông báo bằng văn bản tới đối tượng giám sát ngân hàng ít nhất trước 03 ngày làm việc; văn bản thông báo phải nêu rõ thành phần của tổ công tác, nội dung, thời gian, địa điểm làm việc.

3. Kết quả làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát ngân hàng phải được lập thành biên bản theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và có ký xác nhận giữa đại diện tổ công tác và đối tượng giám sát ngân hàng.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ TRONG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

Điều 21. Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng⁴⁴

1. Căn cứ vào kết quả giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xem xét, thực hiện một hoặc một số biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô sau đây:

⁴³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;
 b) Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

c) Xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật số 46/2010/QH12; việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

d) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 12 Điều 4 và khoản 2 Điều 59 Luật số 46/2010/QH12, khoản 1 Điều 47 Luật số 32/2024/QH15;

đ) Tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền:

(i) Áp dụng hình thức giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

(ii) Kiến nghị tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;

(iii) Thực hiện can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt và áp dụng các yêu cầu, biện pháp trong can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của Luật số 32/2024/QH15 và quy định của pháp luật có liên quan;

(iv) Quyết định thành lập tổ giám sát để theo dõi, giám sát đối tượng giám sát ngân hàng;

(v) Áp dụng các biện pháp kiểm soát giao dịch tiềm ẩn rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(vi) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;

e) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào kết quả giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô xem xét, thực hiện một hoặc một số biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô sau đây:

a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;

c) Kiến nghị đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô áp dụng biện pháp xử lý quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng

1.⁴⁵ Căn cứ kết quả giám sát, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng.

2. Việc khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng căn cứ vào một hoặc kết hợp một số nội dung sau đây:

a) Khi kết quả giám sát thể hiện dưới hình thức chỉ tiêu định lượng của đối tượng giám sát ngân hàng vượt ngưỡng cảnh báo;

b)⁴⁶ Khi đánh giá, phân tích các thông tin định tính phản ánh các rủi ro tiềm ẩn và nguy cơ vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng từ kết quả giám sát kết hợp với kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán độc lập, kết luận kiểm toán nội bộ, thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước khác;

c) Khi có yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xuất phát từ thực tiễn quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

3. Khi nhận được các khuyến nghị, cảnh báo, đối tượng giám sát ngân hàng phải có trách nhiệm kịp thời báo cáo, giải trình các khuyến nghị, cảnh báo theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng bao gồm tối thiểu các nội dung như thực trạng, nguyên nhân và kế hoạch khắc phục. Thời hạn nộp báo cáo, giải trình của đối tượng giám sát ngân hàng được nêu cụ thể trong văn bản khuyến nghị, cảnh báo gửi đối tượng giám sát ngân hàng. Đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo của đối tượng giám sát ngân hàng.

4. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng tiếp tục tiềm ẩn rủi ro, có nguy cơ vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng sau khi thực hiện kế hoạch khắc phục, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng kiến nghị cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Điều 23. Can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng⁴⁷

1. Thẩm quyền quyết định can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung sau đây đối với đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

⁴⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴⁷ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

(i) Thực hiện can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật số 32/2024/QH15;

(ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 156, Điều 157, Điều 160 Luật số 32/2024/QH15;

(iii) Có văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 161 Luật số 32/2024/QH15;

(iv) Có ý kiến đối với phương án khắc phục theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 158 Luật số 32/2024/QH15;

(v) Xem xét, chấp thuận việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm quy định tại khoản 4 Điều 158 và Điều 159 Luật số 32/2024/QH15;

(vi) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước về can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Luật số 32/2024/QH15;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản này đối với đối tượng giám sát (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuộc trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đối với các nội dung vượt thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo, giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục:

a) Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) trước ngày 10 của tháng tiếp theo (đối với báo cáo định kỳ) hoặc theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô (đối với báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô) để giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô quy định tại Điều 12 Thông tư này phải bao gồm việc giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục theo quy định tại Luật số 32/2024/QH15 và Thông tư này.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

Điều 24. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng⁴⁸

1. Thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với đối tượng giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.
2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.
3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vĩ mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vĩ mô) cho đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị khác có liên quan.
4. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vĩ mô trong từng thời kỳ.
5. Trường hợp cần thiết, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung giám sát an toàn vĩ mô đột xuất quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Thông tư này.
6. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sở tay giám sát an toàn vĩ mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vĩ mô.
7. Căn cứ vào các chỉ tiêu về quy mô, tính liên kết lẫn nhau, khả năng thay thế, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để lập danh sách ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.
8. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 25. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng⁴⁹

1. Thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.
2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.
3. Xem xét, quyết định cơ chế cán bộ chuyên quản đối với từng đối tượng giám sát ngân hàng; cán bộ chuyên quản có quyền tiếp cận thông tin tổng thể về đối tượng giám sát ngân hàng do mình giám sát.
4. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vĩ mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vĩ mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.

⁴⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁴⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

5. Tham mưu, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

6. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong từng thời kỳ.

7. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát tăng cường theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

8. Giám sát việc thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại Luật số 32/2024/QH15 và Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

9. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành sổ tay giám sát an toàn vi mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vi mô; tham mưu, trình Thống đốc ban hành hướng dẫn về quản lý, giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

10. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 26. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh⁵⁰

1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

2. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là quỹ tín dụng nhân dân).

3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là chi nhánh của tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân).

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

5. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

6. Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 8 Điều 25 Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

⁵⁰ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

7. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 27.⁵¹ (được bãi bỏ)

Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước⁵²

1. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo chức năng, nhiệm vụ được giao cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong hoạt động giám sát ngân hàng.

4. Phối hợp với Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong việc rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát ngân hàng ban hành theo văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị đó đầu mối xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 29. Trách nhiệm của đối tượng giám sát ngân hàng

1. Thực hiện cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 7, Điều 14 Thông tư này và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp.

2. Thực hiện nội dung, yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng khi nhận được văn bản yêu cầu giải trình hoặc yêu cầu của tổ công tác khi làm việc trực tiếp theo quy định tại Chương IV Thông tư này.

3. Chấp hành đầy đủ các biện pháp xử lý trong hoạt động giám sát ngân hàng theo quy định tại Chương V Thông tư này.

4. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵³

⁵¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁵² Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 18 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁵³ Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026 quy định như sau:

“Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 09 năm 2022, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xử lý, cập nhật tài liệu, thông tin, dữ liệu tự động vào hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa của đối tượng giám sát an toàn vi mô là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư này được thực hiện khi có hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa tương ứng. Trong thời gian chưa có hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa tương ứng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện như sau:

a) Căn cứ nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1, 4 Điều 7 Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện thu thập, rà soát tính logic, tính hợp lý của thông tin thông qua việc so sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện vấn đề bất thường, thiếu logic hoặc bất hợp lý.

b) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô xử lý, tổng hợp tài liệu, thông tin dữ liệu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 8 Thông tư này.

3. Thông tư này thay thế Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2017 quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng và Thông tư số 04/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-NHNN ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian chưa ban hành sổ tay giám sát an toàn vi mô, sổ tay giám sát an toàn vi mô theo quy định tại Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện báo cáo theo mẫu báo cáo giám sát quy định tại Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN và các nội dung giám sát theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này./."

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng)

(1)..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2)..... **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
 (3).....

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....tại.....(4) Tổ công tác được thành lập theo Quyết định số đã tiến hành làm việc với(5) về.....(6)

I. Thành phần gồm có:

1. Tổ công tác :

- Ông (bà).....chức vụ.....

-

2. Đại diện(7)

- Ông (bà).....chức vụ.....

-

II. Nội dung:

.....(8)

Buổi làm việc kết thúc vào hồigiờ....ngày.....tháng.....năm,

Biên bản này đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và Đại diện các bên ký xác nhận. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và được lập thành ... bản, mỗi bên giữ... bản.

..... (5)

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN TỔ CÔNG TÁC

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan tiến hành làm việc trực tiếp.

(2) Tên Tổ công tác.

(3) Số biên bản làm việc

(4) Địa điểm làm việc.

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Nội dung làm việc.

(7) Tên cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân làm việc với Tổ công tác.

(8) Nêu rõ diễn biến, kết quả của buổi làm việc

Phụ lục II⁵⁴ (được bãi bỏ)

Phụ lục III⁵⁵ (được bãi bỏ)

Phụ lục IV⁵⁶ (được bãi bỏ)

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

Số: 01 /VBHN-NHNN

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2026 ^h

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn

⁵⁴ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁵⁵ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.

⁵⁶ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Thông tư số 43/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng, có hiệu lực kể từ ngày 01/1/2026.